QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI MÔI TRƯỜNG HIỆN NAY - VƯỚNG MẮC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

NGUYỄN LONG THÀNH
VÕ VĂN NGỌC
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 05/3/2025. Sửa chữa xong 11/3/2025. Duyệt đăng 18/3/2025.

Abstract

The content of the liability for compensation for damage caused by environmental pollution is determined as a specific case of non-contractual liability. This is a form to determine civil liability for subjects who violate the law on environmental protection, causing damage to the environment, damage to human health, life, property, and legitimate interests of organizations and individuals. Therefore, it is necessary to grasp the provisions of Vietnamese law on compensation for environmental damage today.

Keywords*: Law, compensation for damage, environment, problems.*

1. Đặt vấn đề

Hiến pháp năm 2013 quy định: "Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại"[1]. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, nhiều văn bản pháp luật khác cũng quy định cụ thể về trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại về môi trường. Theo đó, vấn đề bồi thường thiệt hại về môi trường hiện nay được quy định chủ yếu trong các văn bản quy phạm pháp luật sau: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [2] (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và một số văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường

Quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức bồi thường thiệt hại môi trường được Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định rõ ràng hơn so với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Theo đó, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái thông báo cho cơ quan có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái. Trong đó, trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái được quy định cụ thể đối với Ủy ban nhân dân các cấp hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường (trường hợp thiệt hại gây ra trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên)[3]. Để bảo đảm quyền lợi cho người bị thiệt hại và tính công bằng trong việc bồi thường thiệt hại về môi trường thì cơ quan yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường có trách nhiệm:

2.1.1. Tiếp nhận thông báo về việc môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái. Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, cơ quan tiếp nhận phải chuyển ngay thông báo và các tài liệu kèm theo đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường để giải quyết.

Email: ngocvo@gmail.com

2.1.2. Kiểm tra, xác minh thông tin, lập biên bản về các dấu hiệu môi trường bị ô nhiễm, suy thoái.

*2.1.3. X*ác định tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

2.1.4. Tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường và yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể: Tổ chức thực hiện hoặc thuê đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để thu thập dữ liệu, chứng cứ; xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại; tính toán thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái; Thành lập hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường theo quy định tại Điều 114 Nghị định này; Đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại dựa trên kết quả tư vấn của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ.

2.1.5. Thực hiện xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường trong trường hợp được tổ chức, cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự. Việc Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 bổ sung quy định xác định rõ chủ thể có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái như trên nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường tự mình hoặc ủy quyền cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, quy định về tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có thể ủy quyền cho cơ quan nhà nước yêu cầu bồi thường thiệt hại và trong phạm vi ủy quyền có thể bao gồm quyền khởi kiện, như vậy trường hợp này có thuộc trường hợp khởi kiện tập thể hay không, nếu là khởi kiện tập thể thì thuộc trường hợp nào và theo mô hình nào. Bên cạnh đó, người bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe là rất đông, nếu ủy quyền cho Bộ Tài nguyên và Môi trường thì nên xác định hình thức ủy quyền như thế nào. Ngoài ra, đối với những thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường là thiệt hại chung của cộng đồng, của Nhà nước. Vì vậy, việc quy định quyền khởi kiện chỉ dành cho "tổ chức, cá nhân" là chưa phù hợp. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định: "Việc giải quyết tại Tòa án được thực hiện theo quy định về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự". Khoản 4 Điều 187 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật". Như vậy, phạm vi chủ thể có quyền khởi kiện theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có cả "cơ quan, tổ chức", rộng hơn và phù hợp hơn so với quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Đây cũng là một nội dung mà theo tác giả, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cần có sự sửa đổi để phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động tố tụng.

2.2. Căn cứ để bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường được xác định là một trường hợp cụ thể của trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng. Đây là hình thức nhằm xác định trách nhiệm dân sự đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ra thiệt hại về môi trường, thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản của con người, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân…, các chủ thể này phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả, đền bù tổn thất về vật chất và tinh thần cho các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do gây ra ô nhiễm môi trường chỉ phát sinh khi có các điều kiện sau đây:

2.2.1. Có thiệt hại xảy ra

Thiệt hại là tổn thất về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân; tài sản, danh dự, uy tín của pháp nhân hoặc chủ thể khác được pháp luật bảo vệ. Thiệt hại về môi trường có tính chất đặc thù bởi những thiệt hại này không chỉ là những thiệt hại về

tính mạng, sức khỏe, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân mà còn là những thiệt hại về hệ sinh thái tự nhiên, về nguồn nước, về khí hậu… do tình trạng ô nhiễm, suy thoái về môi trường gây ra. Chính vì vậy, một trong những yêu cầu quan trọng khi khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường đó chính là phải xác định thiệt hại. Theo khoản 1 Điều 130 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 xác định rõ thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm: Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

Việc xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường bao gồm các nội dung sau đây: Xác định phạm vi, diện tích, khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái; xác định số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, các loại hình hệ sinh thái, các loài bị thiệt hại; xác định mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, các loài. Việc xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được tiến hành độc lập hoặc có sự phối hợp giữa bên gây thiệt hại và bên bị thiệt hại. Trường hợp mỗi bên hoặc các bên có yêu cầu thì cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tham gia hướng dẫn cách tính xác định thiệt hại hoặc chứng kiến việc xác định thiệt hại.

Hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, thẩm định, đánh giá các dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập để xác định, tính toán thiệt hại đối với môi trường; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, khách quan; chịu trách nhiệm trước cơ quan yêu cầu bồi thường thiệt hại về kết quả thẩm định dữ liệu, chứng cứ. Đối tượng xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gồm: Thành phần môi trường như môi trường nước mặt, môi trường đất; hệ sinh thái bao gồm rừng (trên cạn và ngập mặn), hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và các loài động vật, thực vật phân bố tại Việt Nam bị chết thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES.

Pháp luật hiện hành đã có nhiều điểm tiến bộ khi quy định cụ thể cách thức, phương pháp xác định phạm vi, diện tích, khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái; số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, các loại hình hệ sinh thái bị thiệt hại, các loài động vật, thực vật bị chết; xác định mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, loài và nội dung về giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường quy định cụ thể từ Điều 117 đến Điều 120 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Riêng việc xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra được thực hiện theo quy định tại các điều 589, 590, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc xác định tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường phải bảo đảm nguyên tắc kịp thời, khách quan và công bằng. Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra, đồng thời phải chi trả toàn bộ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác định bồi thường thiệt hại về môi trường không hề đơn giản. Khi một thiệt hại về môi trường xảy ra, nó có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: Hành vi gây ô nhiễm (do một hoặc nhiều chủ thể gây ra); sự cộng hưởng tác động của các tác nhân khác như thiên tai, dịch bệnh; hoặc xuất phát từ chính hành vi vi phạm của người bị thiệt hại (hành vi xả rác thải, nước thải, thuốc bảo vệ thực vật ra môi trường sinh sống...). Trong trường hợp cả ba nguyên nhân này xảy ra đồng thời thì việc xác định thiệt hại càng trở nên khó khăn hơn; hoặc trong trường hợp các hành vi gây ra thiệt hại ô nhiễm môi trường đã xảy ra từ rất lâu trước đó nhưng đến thời điểm thu thập chứng cứ thì thiệt hại đã không còn nghiêm trọng như lúc ban đầu nữa thì việc xác định mức thiệt hại chính xác cũng gặp nhiều khó khăn. Những thiệt hại về môi trường thường rất khó khắc phục, thậm chí không thể khắc phục, dù chủ thể vi phạm có bỏ nhiều chi phí để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra thế nhưng trong mọi trường hợp hậu quả xảy ra đối với môi trường tự nhiên, con người và hệ sinh thái là khó có thể tránh được.

2.2.2. Có hành vi vi phạm pháp luật gây ô nhiễm, suy thoái môi trường dẫn đến thiệt hại

Theo quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác (khoản 2 Điều 584 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Chính vì vậy, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng có quy định về việc thông báo thiệt hại đối với môi trường quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp môi trường bị ô nhiễm.

Hiện nay, các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường được quy định trong các văn bản: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 45/2022/NĐ-CP) và Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét theo tính chất nghiêm trọng và trách nhiệm pháp lý, hành vi vi phạm có thể bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự: Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường được quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Hành vi vi phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự

Như vậy, thực tế cho thấy sự đa dạng của các thành tố môi trường cũng dẫn đến dự đa dạng, phức tạp của các hành vi vi phạm và đây cũng chính là điều khó khăn cho các chủ thể áp dụng pháp luật khi xử lý các hành vi vi phạm nói chung và xử lý các yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường nói riêng.

2.2.3. Có mối quan hệ giữa hành vi gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra

Hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật có mối quan hệ nhân quả với thiệt hại xảy ra. Theo đó, nguyên nhân phải xảy ra trước kết quả trong khoảng thời gian xác định và hành vi vi phạm pháp luật là nguyên nhân của thiệt hại hay nói cách khác, thiệt hại thực tế xảy ra là kết quả tất yếu của hành vi vi phạm pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, việc chứng minh thiệt hại sức khỏe thường gặp phải khó khăn bởi khi chứng minh tổn hại sức khỏe, nguyên đơn cần phải cung cấp bằng chứng khoa học cho thấy hành vi của bị đơn đủ để gây bệnh, tuy nhiên việc chứng minh này không đơn giản.

Xuất phát từ tính chất phức tạp và tinh vi của hành vi vi phạm pháp luật, thậm chí hậu quả do những hành vi này gây ra có thể diễn ra từ từ và sau một thời gian dài gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, tài sản, lợi ích hợp pháp của người dân mới biểu hiện ra bên ngoài nên việc chứng minh mối quan hệ nhân quả lại càng khó khăn. Chính vì vậy, để tháo gỡ khó khăn này, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra thì khoản 2 Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: "Việc giải quyết tại Tòa án được thực hiện theo quy định về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự, trừ các quy định về việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại xảy ra. Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và thiệt hại xảy ra thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm, gây ô nhiễm về môi trường".

2.2.4. Yếu tố lỗi

Không giống với trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các lĩnh vực thông thường khác, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, yếu tố lỗi không có ý nghĩa quan trọng trong việc làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại[12]. Trước đây, Điều 624 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường như sau: "Cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác làm ô nhiễm môi trường gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp người gây ô nhiễm môi trường không có lỗi". Nội dung này tiếp tục được kế thừa và ghi nhận tại Điều 602 Bộ luật Dân sự năm 2015 khi xác định: "Chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi".

2.3. Tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường

Trước đây, những quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường được thể hiện trong Bộ luật Dân sự năm 2005 về những quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Ngoài ra, quy định về vấn đề này còn có các văn bản khác điều chỉnh như Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường (Nghị định số 03/2015/NĐ-CP). Ngày 12/5/2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP về hướng dẫn thi hành Phần thứ hai "thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm" của Bộ luật Tố tụng Dân sự (Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP). Tuy nhiên, do có nhiều bất cập khi áp dụng quy định này trên thực tế nên ngày 08/8/2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP). Về cơ bản, việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường nói riêng đã có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh thống nhất và ổn định. Vì vậy, theo tác giả, để bảo đảm sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật, cần sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản quy phạm pháp luật như sau:

2.3.1. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần bổ sung khoản 1 Điều 6 về cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự nội dung: "Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và thiệt hại xảy ra thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm, gây ô nhiễm về môi trường". Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cũng cần ghi nhận nội dung về hoán chuyển nghĩa vụ chứng minh nêu trên để bảo đảm sự phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3.2. Để bảo đảm sự thống nhất với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Bộ luật Dân sự năm 2015 cần bổ sung cụm từ "suy thoái môi trường" vào Điều 602, cụ thể: " Điều 602. Bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm, suy thoái môi trường: Chủ thể làm ô nhiễm, suy thoái môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi".

2.3.3. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần nhanh chóng ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP để phù hợp hơn với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

3. Kết luận

Nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại về môi trường sẽ tạo ra khuôn khổ pháp lý vững chắc giúp việc triển khai có hiệu quả các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, từ đó đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2013), *Khoản 3 Điều 63 Hiến pháp năm 2013*.

[2] Chính phủ (Nghị định này đã bãi bỏ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường.

[3] Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.